TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: **42**/2020/DS-ST.
Ngày: 24/9/2020.
V/v "Tranh chấp về nợ hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Mạnh Trí.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Võ Đăng Tuấn.

2. Ông Đinh Xuân Thủy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/2020/TLST – DS, ngày 25 tháng 6 năm 2020, Về việc "Tranh chấp về nợ hụi"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Xóm 5, Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Phi L1, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Xóm 2, Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Xóm 2, Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Thể hiện trong đơn khởi kiện, lời khai, ý kiến trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L trình bày yêu cầu:*

Trước đây bà L có đứng ra tổ chức cho người dân tham gia chơi hụi, trong đó bà L làm chủ hụi có trách nhiệm thu tiền hụi của người chơi và thanh toán cho người được lĩnh hụi. Việc bà L làm chủ hụi thì được hưởng hoa hồng từ

người lĩnh hụi và chịu trách nhiệm trong việc thu, trả tiền hụi. Trong số những người tham gia chơi hụi thì có bà Trần Thị Phi L1. Người nào tham gia nhưng lĩnh hụi trước thì phải đóng số tiền cố định theo quy định của mỗi chân (hụi chết); còn người nào chưa lĩnh thì đóng số tiền ít hơn so với số tiền quy định.

Bà L1 đã tham gia một số chân hụi, đã lĩnh hụi nhưng không đóng hụi chết đầy đủ cho bà L, hiện nay sau khi tính toán thì bà L xác định, bà L1 còn thiếu bà L số tiền hụi là 82.000.000đ, chi tiết như sau:

Trong dây hụi mở ngày 30/4/2018, quy định chân hụi 5.000.000đ; có 14 chân, bà L1 xin lĩnh hụi và đã đóng được 3 lần, còn nợ lại 10 lần chưa đóng với tổng số tiền là 50.000.000đ.

Trong dây hụi mở ngày 15/01/2018, quy định chân hụi 2.000.000đ; có 12 chân, bà L1 xin lĩnh hụi và đã đóng được 8 lần, còn nợ lại 4 lần chưa đóng với tổng số tiền là 8.000.000đ.

Cũng trong dây hụi mở ngày 15/01/2018, quy định chân hụi 2.000.000đ; có 12 chân, bà L1 xin lĩnh hụi và đã đóng được 8 lần, còn nợ lại 4 lần chưa đóng với tổng số tiền là 8.000.000đ.

Trong dây hụi mở ngày 20/2/2018, quy định chân hụi 1.000.000đ; có 22 chân, bà L1 xin lĩnh hụi và đã đóng được 6 lần, còn nợ lại 16 lần chưa đóng với tổng số tiền là 16.000.000đ.

Đối với số tiền mà bà L1 không đóng hụi chết đầy đủ cho bà L thì bà L phải tự bỏ tiền ra để đóng hụi thay cho bà L1. Đến nay tất cả các dây hụi đều đã mãn, nhiều lần bà L yêu cầu bà L1 trả nợ hụi nhưng bà không trả.

Do bà L1 có chồng là ông Nguyễn Văn H, vợ chồng hợp pháp, khi bà L1 tham gia chơi hụi thì mục đích chủ yếu là lo cho gia đình nên bà L yêu cầu bà L1 và ông H cùng có trách nhiệm thanh toán nợ hụi. Bà L chỉ yêu cầu vợ chồng bà L1 ông H trả tiền nợ hụi 82.000.000đ chứ không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu trả số tiền nợ vay là 45.000.000đ thì hiện nay bà L không yêu cầu nữa, xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này.

- Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà L cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: 04 tờ giấy theo dõi hụi.

**/ Thể hiện lời khai, ý kiến trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, bị đơn - bà Trần Thị Phi L1 trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

Bà L1 thừa nhận hiện nay còn nợ bà Nguyễn Thị L 82.000.000đ tiền nợ hụi chưa trả, do đó bà L khởi kiện là đúng. Thực tế quá trình tham gia chơi hụi do bà L làm chủ, bà L1 đều xin lĩnh hụi trước nhưng chưa đóng đầy đủ hụi chết cho bà L. Đến nay các dây hụi đều đã mãn, nhưng số tiền nợ hụi 82.000.000đ vẫn chưa trả cho bà L.

Mục đích tham gia chơi hụi với bà L, số tiền lĩnh hụi được bà L1 đưa về phục vụ việc kinh doanh buôn bán trong gia đình. Nhưng do hiện nay gia đình

làm ăn không thuận lợi nên chưa trả được tiền nợ hụi cho là L, nhưng bà L1 thống nhất và đồng ý trả 82.000.000đ tiền nợ hụi cho bà L.

- Bà L1 không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

**/ Theo lời khai, ý kiến trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, người có quyền, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông H và bà L1 là vợ chồng. Theo yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc vợ chồng ông H, bà L1 trả số tiền nợ hụi 82.000.000đ thì ông H không thống nhất. Lý do trước khi bà L1 tham gia chơi hụi với bà L thì bà L1 không có bàn bạc với ông H, bà L1 tham gia nhưng chưa được sự đồng ý của ông H nên hiện nay ông H không chịu trách nhiệm trả khoản nợ này cho bà L.

- Ông H không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định BLTTDS, tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp và hòa giải cho đương sự, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu; cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng. vụ án giải quyết đúng thời hạn quy định của BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng đã thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS. Nguyên đơn bà L có xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ điều 227, 228 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông bà L, ông H là phù hợp.

- *Quan điểm giải quyết vụ án:*

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Các Điều 146, 147, 203, 203, 227, 227, 244 BLTTDS năm 2015; Điều 471, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 29/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L. Buộc ông Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Trần thị Phi L1 trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hụi là 82.000.000đ (tám mươi hai triệu đồng).

+ Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị Phi L1 và ông Nguyễn Văn H phải trả 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) tiền nợ vay.

+ Về án phí: Buộc vợ chồng bà Trần Thị Phi L1, ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà L.

- *Các tình tiết mà các bên thống nhất, không thống nhất:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn bà Trần Thị Phi L1 đã thống nhất với nhau về số tiền nợ hụi mà bà L1 còn nợ bà L là 82.000.000đ. Tuy nhiên, về nghĩa vụ trả nợ thì bà L yêu cầu vợ chồng bà L1, ông H có trách nhiệm trả nợ, nhưng ông H không thống nhất về nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L vắng mặt, tuy đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai. Tuy nhiên bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông - Nguyễn Văn H vắng mặt tại vắng tại tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Do đó cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bà L, ông H là phù hợp.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Phi L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà L bà số tiền 82.000.000đ xuất phát từ giao dịch về hụi giữa bà L và bà L1. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác. Do đó căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hụi".

Tranh chấp dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS; bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L:

Về số tiền nợ hụi phải trả:

Bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L1 và ông H phải liên đới phải trả số tiền nợ hụi là 82.000.000đ xuất phát từ việc bà L1 tham gia chơi các dây hụi do bà L làm chủ hụi. Cụ thể:

+ Dây hụi mở ngày 30/4/2018, quy định chân hụi 5.000.000đ; có 14 chân, bà L1 xin lĩnh hụi và đã đóng được 3 lần, còn nợ lại 10 lần chưa đóng với tổng số tiền là 50.000.000đ.

+ Dây dây hụi mở ngày 15/01/2018, quy định chân hụi 2.000.000đ; có 12 chân, bà L1 xin lĩnh hụi và đã đóng được 8 lần, còn nợ lại 4 lần chưa đóng với tổng số tiền là 8.000.000đ.

+ Cũng trong dây hụi mở ngày 15/01/2018, quy định chân hụi 2.000.000đ; có 12 chân, bà L1 xin lĩnh hụi và đã đóng được 8 lần, còn nợ lại 4 lần chưa đóng với tổng số tiền là 8.000.000đ.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà L1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà L về thời gian chơi hụi, số tiền hụi, số dây hụi tham gia chơi, đồng thời xác định còn nợ bà L 82.000.000đ tiền nợ hụi và đồng ý trả nợ, nên đây là sự kiện, tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

Về nghĩa vụ trả nợ: Bà L yêu cầu vợ chồng bà L1, ông H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi 82.000.000đ. Ông H xác định giữa ông và bà L1 là vợ chồng hợp pháp, tuy nhiên ông H không đồng ý với yêu cầu của bà L vì cho rằng, số tiền nợ hụi giữa bà L và bà L1 thì ông không biết, bà L1 không bàn bạc và chưa được sự thống nhất của ông H khi tham gia chơi hụi với bà L.

Trong khi đó, bà L1 xác định thời gian trước khi tham gia chơi hụi với bà L, vợ chồng bà L1, ông H có kinh doanh buôn bán. Việc bà L1 tham gia chơi hụi với bà L mục đích để xin lĩnh hụi, đưa tiền về làm vốn kinh doanh buôn bán trong gia đình, nhưng sau đó làm ăn không thuận lợi nên không đóng hụi chết đầy đủ cho bà L.

Mặt khác, giữa bà L1 và ông H là vợ chồng hợp pháp, cùng nhau làm ăn phát triển kinh tế gia đình, trong thời kỳ hôn nhân, thì trách nhiệm ông H phải biết nguồn tiền mà bà L1 đưa về để phục vụ phát triển kinh tế gia đình, nghĩa vụ do bà L1 thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ chồng bà L1, ông H phải có nghĩa vụ chung. Việc ông H cho rằng bà L1 không có bàn bạc, không được sự đồng ý của ông khi tham gia chơi hụi với bà L là không có căn cứ nên không được xem xét chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông H cùng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch tham gia chơi hụi do bà L1 thực hiện, nên buộc bà L1 và ông H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền nợ hụi 82.000.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại đơn khởi kiện, ngoài yêu cầu buộc vợ chồng bà L1, ông H trả 82.000.000đ tiền nợ hụi, bà L còn yêu cầu phải trả số tiền nợ vay là

45.000.000đ; nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ vay 45.000.000đ nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu này của bà L theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc vợ chồng bà L1, ông H trả tiền nợ hụi được chấp nhận nên ông H, bà L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà L là phù hợp với quy định tại Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 471, 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L.

+ Xử buộc vợ chồng bà Trần Thị Phi L1 và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hụi là **82.000.000đ** *(tám mươi hai triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị Phi L1, ông Nguyễn Văn H phải trả **45.000.000đ** *(bốn mươi lăm triệu đồng).*

2. Về án phí:

+ Buộc bà Trần Thị Phi L1 và ông Nguyễn Văn H phải nộp 4.100.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 2.050.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N.004603 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án huyện Tánh Linh.

3. Về quyền kháng cáo:

+ Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/9/2020;

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự……;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí